

KẾT LUẬN THANH TRA Quỹ tín dụng nhân dân Cây Gáo

Thực hiện Quyết định số 21/QĐ-ĐNA.TTGS ngày 18/7/2024 của Chánh thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai (NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai) về việc thanh tra Quỹ tín dụng nhân dân Cây Gáo (QTDND Cây Gáo). Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại QTDND Cây Gáo từ ngày 02/8/2024 đến ngày 22/8/2024.

Xét báo cáo kết quả thanh tra QTDND Cây Gáo số 06/BC-ĐTT.CG ngày 05/9/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra, giám sát NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai kết luận như sau:

PHẦN I KHÁI QUÁT CHUNG

I. Cơ cấu tổ chức, địa bàn hoạt động

- QTDND Cây Gáo được thành lập theo Quyết định số 34/QĐ-NHNN-TDND ngày 16/03/1994 và Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/GP-NHNN ngày 16/03/1994 của NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai; Đăng ký kinh doanh số 250461 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20/04/1998, thay đổi lần thứ 14 ngày 19/03/2024.

- Địa bàn hoạt động: 02 xã liền kề, bao gồm: xã Cây Gáo và xã Thanh Bình thuộc huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Địa chỉ trụ sở: Ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Cơ cấu tổ chức: Đến thời điểm 30/06/2024, QTDND Cây Gáo có tổng số 10 người làm việc tại Quỹ trong đó có 08 người làm việc thường xuyên và 02 người làm việc theo chế độ bán chuyên trách gồm: Hội đồng quản trị 03 người; Ban Kiểm soát 03 người trong đó Trưởng Ban kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách và 02 thành viên làm việc theo chế độ bán chuyên trách; Ban điều hành 02 người (Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm); Kế toán 01 người; Tín dụng 02 người; Kho quỹ 01 người.

- Về trình độ chuyên môn: Đại học: 05 người; Cao đẳng: 02 người; Chưa qua đào tạo: 03 người; Số người đã qua bồi dưỡng nghiệp vụ QTDND: 08 người.

- Số lượng thành viên tại các thời điểm 31/12/2022, thời điểm 31/12/2023 và thời điểm 30/06/2024 không thay đổi: đều 677 thành viên.

II. Tình hình hoạt động:

1. Về nguồn vốn hoạt động

Tổng nguồn vốn đến 30/6/2024: 51.693 triệu đồng tăng 5.746 triệu đồng, tỷ lệ tăng 12,51% so với 31/12/2022 và tăng 1.038 triệu đồng, tỷ lệ tăng 2,05% so với 31/12/2023, gồm:

- Vốn huy động: 44.950 triệu đồng, chiếm 86,96% tổng nguồn vốn, tăng 7.049 triệu đồng, tỷ lệ tăng 18,60% so với 31/12/2022 và tăng 5.708 triệu đồng, tỷ lệ tăng 14,55% so với 31/12/2023. Trong đó:

- Vay Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam (NHHTX) 0 triệu đồng, chiếm 0% tổng nguồn vốn, giảm 2.000 triệu đồng, tỷ lệ giảm 100% so với 31/12/2022 và giảm 4.600 triệu đồng, tỷ lệ giảm 100% so với 31/12/2023;

- Tài sản nợ khác đạt 2.137 triệu đồng, chiếm 4,13% tổng nguồn vốn, tăng 459 triệu đồng, tỷ lệ tăng 27,35% so với 31/12/2022 và giảm 126 triệu đồng, tỷ lệ giảm 5,57% so với 31/12/2023;

- Vốn và các quỹ đạt 4.606 triệu đồng, chiếm 8,91% tổng nguồn vốn, tăng 238 triệu đồng, tỷ lệ tăng 5,45 % so với 31/12/2022 và tăng 56 triệu đồng, tỷ lệ tăng 1,23% so với 31/12/2023. Trong đó vốn điều lệ: Thời điểm 30/6/2024 là 1.730 triệu đồng, không thay đổi so với thời điểm 31/12/2022 và thời điểm 31/12/2023.

2. Về sử dụng vốn

- Hoạt động cho vay đạt: 43.784 triệu đồng, chiếm 85,93% tổng tài sản, tăng 5.808 triệu đồng, tỷ lệ tăng 15,29% so với 31/12/2022 và tăng 54 triệu đồng, tỷ lệ tăng 0,12% so với 31/12/2023.

- Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (TCTD) khác: 5.380 triệu đồng, chiếm 10,56% tổng tài sản, giảm 928 triệu đồng, tỷ lệ giảm 14,71% so với 31/12/2022 và tăng 407 triệu đồng, tỷ lệ tăng 8,18% so với 31/12/2023. Trong đó tiền gửi tại NHHTX là 5.378 chiếm 99,96% tổng tiền gửi tại các TCTD khác.

- Tiền mặt tại quỹ: 1.559 triệu đồng, chiếm 3,06% tổng tài sản.

- Tài sản có khác: 970 triệu đồng, chiếm 1,90% tổng tài sản, tăng 389 triệu đồng, tỷ lệ tăng 66,95% so với 31/12/2022 và tăng 319 triệu đồng tỷ lệ tăng 49% so với 31/12/2023.

3. Kết quả kinh doanh:

Cuối năm 2022 lãi sau khi trừ thuế là 446 triệu đồng; Cuối năm 2023 lãi sau khi trừ thuế là 474 triệu đồng; Đến 30/6/2024 thu nhập cao hơn chi phí là 412 triệu đồng.

PHẦN II

KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động huy động vốn và chấp hành lãi suất huy động

1. Các chính sách, quy định nội bộ liên quan đến hoạt động huy động vốn, quản lý, sử dụng sổ tiết kiệm trắng và lãi suất huy động:

1.1. Các quy định nội bộ về huy động vốn

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Cây Gáo ban hành quy định nội bộ về giao dịch tiền gửi tiết kiệm, về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng theo Quyết định số 23/2019/QĐ-HĐQT ngày 19/7/2019 của Hội đồng quản trị QTDND Cây Gáo và Quy chế tiền gửi tiết kiệm sửa đổi, bổ sung ngày 11/7/2022. Nội dung quy chế cơ bản phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành của NHNN Việt Nam điều chỉnh hoạt động huy động vốn gồm: Thông tư số 48/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về tiền gửi tiết kiệm (sau đây gọi là Thông tư 48/2018/TT-NHNN); Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng (sau đây gọi là Thông tư 14/2017/TT-NHNN) và Thông tư số 04/2022/TT-NHNN ngày 16/6/2022 quy định về việc áp dụng lãi suất rút trước hạn tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là Thông tư 04/2022/TT-NHNN).

1.2. Các quy định nội bộ về quản lý, sử dụng sổ tiết kiệm trắng

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Cây Gáo thực hiện công tác quản lý, sử dụng sổ tiết kiệm (STK) trắng theo Quyết định số 24/2020/QĐ-HĐQT ngày 10/01/2020 của Hội đồng quản trị QTDND Cây Gáo về việc ban hành Quy chế quản lý ấn chỉ của QTDND Cây Gáo và quy chế sửa đổi bổ sung ngày 10/4/2023. Nội dung quy định về quản lý, sử dụng STK trắng theo đúng quy định tại Điều 36 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của NHNN Việt Nam quy định về QTDND (sau đây gọi là Thông tư 04/2015/TT-NHNN) và điểm 3 khoản 20 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 của NHNN Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, QTDND và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống QTDND (sau đây gọi là Thông tư 21/2019/TT-NHNN).

1.3. Việc ban hành các quy định về lãi suất huy động

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Cây Gáo thực hiện mức lãi suất huy động theo các Nghị quyết điều chỉnh lãi suất tiền gửi của HĐQT, cụ thể:

+ Năm 2022 thực hiện theo các Nghị quyết sau: Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐQT ngày 23/9/2022; Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐQT ngày 26/10/2022; Nghị

quyết số 18/2022/NQ-HĐQT ngày 17/11/2022; Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐQT ngày 09/12/2022.

+ Năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 thực hiện theo các Nghị quyết sau: Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐQT ngày 03/4/2023; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT ngày 23/6/2023; Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐQT ngày 11/12/2023.

Về cơ bản các quyết định lãi suất do HĐQT ban hành không vượt quá mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 tháng, từ 01 tháng đến dưới 06 tháng theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014 của NHNN Việt Nam quy định về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là Thông tư 07/2014/TT-NHNN), do NHNN Việt Nam quyết định trong từng thời kỳ đối với loại hình QTDND cụ thể: Quyết định số 1607/QĐ-NHNN ngày 22/9/2022 của NHNN Việt Nam (hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/9/2022); Quyết định số 1812/QĐ-NHNN ngày 24/10/2022 của NHNN Việt Nam (hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/10/2022). Quyết định số 575/QĐ-NHNN ngày 31/3/2023 của NHNN Việt Nam (hiệu lực từ ngày 03/4/2023); Quyết định số 951/QĐ-NHNN ngày 23/5/2023 của NHNN Việt Nam (hiệu lực từ ngày 25/5/2023); Quyết định số 1124/QĐ-NHNN ngày 16/6/2023 của NHNN Việt Nam (hiệu lực từ ngày 19/6/2023).

2. Thanh tra hoạt động huy động vốn và chấp hành các quy định về lãi suất

2.1. Tình hình huy động vốn qua một số thời điểm như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022 (1)	31/12/2023 (2)	30/6/2024 (3)	So Sánh			
				(3) so với (1)		(3) so với (2)	
				Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Tổng nguồn vốn huy động	39.901	43.842	44.950	5.049	12,65%	1.108	2,53%
A. Huy động vốn từ dân cư	37.901	39.242	44.950	7.049	18,60%	5.708	14,55%
I. Phân theo thời hạn	37.901	39.242	44.950	7.049	18,60%	5.708	14,55%
1. Tiền gửi KKH	0	0	0	0	0%	0	0%
2. Tiền gửi CKH	37.901	19.242	44.950	7.049	18,6%	25.708	133,6%
2.1. Từ 01 đến dưới 06 tháng	9.252	11.735	12.493	3.241	35,03%	758	6,46%

2.2 Từ 06 tháng đến dưới 12 tháng	10.571	8.483	12.121	1.550	14,66%	3.638	42,89%
2.3. Từ 12 tháng trở lên	18.078	19.024	20.336	2.258	12,49%	1.312	6,90%
II. Phân theo đối tượng	37.901	39.242	44.950	7.049	18,60%	5.708	14,55%
1. Tiền gửi của TCKT	0	0	0	0	0%	0	0%
2. Tiền gửi của cá nhân	37.901	39.242	44.950	7.049	18,60%	5.708	14,55%
III. Phân theo thành viên	37.901	39.242	44.950	7.049	18,60%	5.708	14,55%
1. Trong thành viên	24.287	23.797	28.187	3.900	16,06%	4.390	18,45%
2. Ngoài thành viên	13.614	15.445	16.763	3.149	23,13%	1.318	8,53%
<i>Tỷ lệ huy động trong thành viên/tổng huy động vốn</i>	64%	61%	63%				
IV. Phân theo địa bàn	37.901	39.242	44.950	7.049	18,60%	5.708	14,55%
1. Tại địa bàn hoạt động	37.158	38.673	44.069	6.911	18,60%	5.396	13,95%
2. Ngoài địa bàn hoạt động	743	569	881	138	18,57%	312	54,83%
<i>Tỷ lệ huy động tại địa bàn/tổng huy động vốn</i>	98,04%	98,55%	98,04%				
B. Vay vốn từ NHHTX	2.000	4.600	0	(2.000)	(100%)	(4.600)	(100%)
<i>Tỷ lệ vốn vay/tổng huy động</i>	5,0%	10,5%	0%				

Đến 30/6/2024, tổng nguồn vốn huy động là 44.950 triệu đồng gồm 275 sổ tiết kiệm với 151 khách hàng tiền gửi, tăng 5.049 triệu đồng, tỷ lệ tăng 12,65% so với 31/12/2022 và tăng 1.108 triệu đồng, tỷ lệ tăng 2,53% so với 31/12/2023, trong đó 100% nguồn vốn huy động là tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn với kỳ hạn huy động cao nhất là 13 tháng của khách hàng cá nhân, phù hợp với quy mô hoạt động, mô hình quản lý và địa bàn hoạt động của Quỹ. Đến thời điểm 30/6/2024, Quỹ không vay vốn tại NHHTX cho thấy công tác phát triển nguồn vốn huy động từ thị trường 1 của Quỹ khá dồi dào và ổn định, giúp cho Quỹ chủ động đáp ứng nhu cầu vay vốn của thành viên trên địa bàn, mở rộng quy mô, duy trì hoạt động bền vững.

- Về tỷ lệ vốn huy động so với vốn chủ sở hữu: QTDND Cây Gáo đảm bảo tỷ lệ vốn huy động/vốn chủ sở hữu theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư 21/2019/TT-NHNN “3. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau: 2. QTDND phải đảm bảo tổng mức nhận tiền gửi không được vượt quá 20 lần vốn chủ sở hữu.....”, cụ thể: Thời điểm 31/12/2022 là 11,52 lần; Thời điểm 31/12/2023 là 11,59 lần; Thời điểm 30/6/2024 là 10,25 lần.

- *Về tỷ lệ huy động từ thành viên/tổng huy động*: Theo báo cáo của QTDND Cây Gáo và qua đối chiếu giữa sao kê tiền gửi với sao kê thành viên trên hệ thống kế toán của QTDND Cây Gáo trong thời kỳ thanh tra nhận thấy số liệu báo cáo tỷ lệ huy động từ thành viên/tổng huy động vốn của Quỹ khớp đúng kết quả kiểm tra, đối chiếu. Tỷ lệ huy động từ thành viên/tổng huy động về cơ bản đều đảm bảo đạt tối thiểu tỷ lệ 60% theo quy định tại khoản 19 Điều 2 Thông tư 21/2019/TT-NHNN “*2. Tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên của QTDND có địa bàn hoạt động liên xã tối thiểu bằng 60% tổng mức nhận tiền gửi của QTDND....*”, cụ thể: Thời điểm 31/12/2022 đạt 64%; Thời điểm 31/12/2023 đạt 61%; Thời điểm 30/6/2024 đạt 63%.

- *Về huy động vốn từ việc vay NHHTX*: Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Cây Gáo không phát sinh khoản vay tại NHHTX Chi nhánh Đồng Nai, nguồn vốn để cho vay hoàn toàn từ tiền gửi của khách hàng và vốn chủ sở hữu.

2.2. Việc thực hiện đăng ký mua, quản lý và sử dụng STK trắng

- *Việc đăng ký mua STK trắng*: Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Cây Gáo đăng ký mua thêm 500 sổ tiết kiệm có kỳ hạn 01 lần vào ngày 08/5/2024 và thực hiện hạch toán nhập kho 500 STK trắng có kỳ hạn từ số seri AC4249001 đến AC4249500 để bảo quản theo đúng quy định tại Công văn số 1687/NHNN-TCKT ngày 20/3/2015 của NHNN Việt Nam về việc ban hành hệ thống tài khoản kế toán. Quỹ thực hiện kiểm kê, đối chiếu STK trắng vào cuối mỗi tháng theo quy định tại Điều 59 Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06/01/2014 của NHNN Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 19/2021/TT-NHNN ngày 24/11/2021).

- *Việc quản lý và sử dụng STK trắng*:

Thời điểm 31/12/2022: Số dư STK trắng tồn đầu kỳ là 417 sổ có kỳ hạn từ AC1119884 đến AC1120300; Nhập kho trong kỳ 500 STK trắng có kỳ hạn (ngày 10/5/2022); Xuất kho trong kỳ 306 STK trắng có kỳ hạn; Số dư STK trắng có kỳ hạn tồn quỹ cuối kỳ là 611 sổ gồm 111 sổ từ seri AC11202189 – AC1120300 và 500 sổ từ seri AC13662801 – AC1363300.

Thời điểm 31/12/2023: Số dư STK trắng tồn đầu kỳ là 611 sổ có kỳ hạn tồn từ cuối năm 2022 chuyển sang; Nhập kho trong kỳ 0 STK trắng; Xuất kho trong kỳ 258 STK trắng có kỳ hạn. Số dư STK trắng tồn quỹ là 353 sổ có kỳ hạn từ seri AC1362948 đến AC1363300.

Thời điểm 30/6/2024: Số dư STK trắng tồn đầu kỳ là 353 sổ có kỳ hạn, tồn từ cuối năm 2023 chuyển sang; Nhập kho trong kỳ 500 STK trắng có kỳ hạn (ngày 09/5/2024); Xuất kho trong kỳ 148 STK trắng có kỳ hạn. Số dư STK trắng tồn quỹ là 705 sổ gồm 500 sổ có kỳ hạn từ seri AC4249001 đến AC4249500 và 205 sổ có kỳ hạn từ seri AC1363096 đến AC1363300.

- *Quản lý ấn chỉ hồng*: Trong thời kỳ thanh tra, không có STK trắng bị hỏng.

Kết quả kiểm tra nhận thấy: QTDND Cây Gáo theo dõi xuất, nhập ần chỉ quan trọng là STK trắng được theo dõi, quản lý, hạch toán kế toán chặt chẽ. Việc xuất, nhập STK hàng ngày vừa được ghi chép viết tay đầy đủ, kịp thời vào sổ theo dõi xuất nhập STK có kỳ hạn vừa được cập nhật, theo dõi trên hệ thống phần mềm kế toán. Số lượng, số seri STK trắng được kiểm kê quyết toán cuối mỗi năm tài chính trong thời kỳ thanh tra khớp đúng số lượng, số seri theo dõi trên sổ theo dõi xuất, nhập sổ tiền gửi có kỳ hạn và sổ kế toán chi tiết hạch toán trên tài khoản 999 “Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản”.

2.3. Việc chấp hành các quy định về nhận tiền gửi của khách hàng

Thực hiện kiểm tra 278 thẻ lưu tiền gửi tiết kiệm tại thời điểm kiểm tra (ngày 12/8/2024) nhận thấy có 04 thẻ lưu tiền gửi là thẻ tiết kiệm mẫu cũ phát hành trước thời điểm ngày 01/01/2020 (số AR0000998 ngày gửi 08/11/1999, kỳ hạn gửi 6 tháng của khách hàng Hoàng Văn Tiệm; số AR0000747 ngày gửi 22/4/1998, kỳ hạn gửi 6 tháng của khách hàng Lìu Lý Dưỡng; số AR0000355 ngày gửi 06/12/1996, kỳ hạn gửi 6 tháng của khách hàng Vòng Cẩm Múi; số AR0000897 ngày gửi 06/11/1998, kỳ hạn gửi 6 tháng của khách hàng Nguyễn Thị Ái), 04 khách hàng gửi tiền này hiện không còn sinh sống tại địa phương nên Quỹ chưa liên hệ được với khách hàng để đổi sang sổ tiết kiệm theo mẫu mới; còn lại 274 thẻ lưu tiền gửi tiết kiệm sử dụng theo mẫu do NHHTX ban hành theo đúng quy định tại khoản 20 Điều 2 Thông tư 21/2019/TT-NHNN. Nội dung thẻ lưu tiền gửi tiết kiệm về cơ bản đầy đủ các thông tin gửi tiền của khách hàng và thông tin của QTDND Cây Gáo, có đầy đủ chữ ký của khách hàng và chữ ký của cán bộ Quỹ có liên quan theo đúng quy định tại Điều 7 Thông tư 48/2018/TT-NHNN (lãi suất, phương thức trả lãi, kỳ hạn, có họ tên và chữ ký của người gửi tiền, kế toán, thủ quỹ, Giám đốc, một dấu của Quỹ.....).

- Căn cứ chứng từ kế toán do QTDND Cây Gáo cung cấp, chọn mẫu kiểm tra việc huy động tiền gửi tiết kiệm có số tiền gửi từ 250 triệu đồng trở lên gồm 59 chứng từ nhận tiền gửi với tổng số dư tiền gửi đến thời điểm 30/6/2024 là 24.400 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 58,7% tổng số dư tiền gửi, nhận thấy việc huy động vốn của QTDND Cây Gáo có đầy đủ chứng từ (gồm giấy gửi tiền, thẻ lưu sổ tiết kiệm, phiếu xuất ngoại bảng, nhật ký quỹ, sổ quỹ tiền mặt), các nội dung tối thiểu ghi trên sổ tiết kiệm thể hiện đầy đủ và được hạch toán theo quy định, mức lãi suất huy động từ 01- dưới 06 tháng và từ 06 tháng trở lên ghi trên sổ tiết kiệm đúng quy định về biểu lãi suất do HĐQT ban hành trong từng thời kỳ và đúng theo các quy định về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của NHNN Việt Nam. Nội dung thẻ lưu của các sổ tiền gửi khớp đúng thông tin trên sao kê tiền gửi thời điểm 30/6/2024.

- Vào ngày đến hạn của khoản tiền gửi tiết kiệm, nếu người gửi tiền không đến rút tiền và không có yêu cầu hoặc thỏa thuận khác, QTDND Cây Gáo thực hiện kéo dài thêm một thời hạn mới về hình thức tiền gửi tiết kiệm đó, có phiếu chuyển khoản bút toán tài khoản, thực hiện cập nhật lãi nhập gốc đầy đủ trên thẻ lưu theo đúng quy định tại Điều 15 Thông tư số 48/2018/TT-NHNN “Điều

15. Kéo dài thời hạn gửi tiền: Vào ngày đến hạn của khoản tiền gửi tiết kiệm, nếu người gửi tiền không đến rút tiền và không có yêu cầu hoặc thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng kéo dài thêm một thời hạn mới theo quy định của tổ chức tín dụng về hình thức tiền gửi tiết kiệm đó”.

2.4. Việc tính lãi và chấp hành lãi suất vốn huy động:

2.4.1. Đối với khách hàng tất toán đúng hạn:

Chọn mẫu 15 STK của các khách hàng tất toán đúng hạn với tổng số tiền 8.820 triệu đồng gồm: AC1119897, AC1120270, AC1120066, AC1120075, AC1362900, AC1120224, AC1120250, AC1120272, AC1119930, AC1120059, AC1120291, AC1120292, AC1120079, AC1119913, AC1119909 (chi tiết tại Mục 1 Biểu 01 - Kiểm tra việc tính lãi và chấp hành lãi suất vốn huy động đính kèm).

Kết quả kiểm tra nhận thấy, QTDND Cây Gáo thực hiện áp dụng lãi suất đối với các sổ tiền gửi tiết kiệm từ 01 tháng đến dưới 06 tháng không vượt mức lãi suất quy định của NHNN Việt Nam, đối với các sổ tiền gửi tiết kiệm từ 06 tháng trở lên ghi trên STK thực hiện chi trả đúng quy định về biểu lãi suất do HĐQT ban hành trong từng thời kỳ. Việc tính và trả lãi đối với các STK có kỳ hạn đến hạn chi trả lãi/tất toán sổ tiền gửi đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 14/2017/TT-NHNN “Số tiền lãi bằng tổng số dư thực tế nhân với số ngày duy trì số dư thực tế nhân với lãi suất và chia cho 365...”. Việc chi trả tiền gửi có đầy đủ các chứng từ theo quy định như giấy lĩnh tiền, sổ tiết kiệm, thẻ lưu, nhật ký quỹ, sổ quỹ tiền mặt, bảng kết hợp chứng từ và được hạch toán kế toán đầy đủ, kịp thời, đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chứng từ hạch toán gồm giấy lĩnh tiền, sổ tiền gửi, thẻ lưu của khách hàng, hạch toán đúng số tiền khách hàng thực nhận và đúng số hiệu tài khoản kế toán.

2.4.2. Đối với khách hàng tất toán trước hạn:

Chọn mẫu 12 STK của 12 khách hàng tất toán trước hạn với tổng số tiền 3.939 triệu đồng gồm: AC1120073, AC1120212, AC1363019, AC1363006, AC1363032, AC1120286, AC1362907, AC1120024, AC1120136, AC1120008, AC1362835, AC1362848 (chi tiết tại Mục 2 Biểu 01 - Kiểm tra việc tính lãi và chấp hành lãi suất vốn huy động đính kèm).

Kết quả kiểm tra nhận thấy QTDND Cây Gáo áp dụng lãi suất không kỳ hạn đối với 12 sổ tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn rút trước hạn, phù hợp với lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn mà Quỹ niêm yết tại thời điểm chi trả theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 04/2022/TT-NHNN “1. Trường hợp khách hàng rút trước hạn toàn bộ tiền gửi: tổ chức tín dụng áp dụng mức lãi suất tối đa bằng mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn thấp nhất của tổ chức tín dụng đó theo đối tượng khách hàng và/hoặc theo loại đồng tiền đã gửi tại thời điểm khách hàng rút trước hạn tiền gửi...”.

2.4.3. Đối với khách hàng rút 01 phần gốc:

Chọn mẫu đối với 10 STK của 10 khách hàng rút trước hạn 01 phần gốc với tổng số tiền 1.764 triệu đồng, gồm: AC1120237, AC1120132, AC1120037, AC1363027, AC1362987, AC1119997, AC1363025, AC1120059, AC1119958, AC1120183 (*chi tiết tại Mục 3 Biểu 01 - Kiểm tra việc tính lãi và chấp hành lãi suất vốn huy động tại QTDND Cây Gáo đính kèm*).

Kết quả kiểm tra nhận thấy: Khi khách hàng tiền gửi có nhu cầu rút trước hạn 01 phần gốc tiền gửi tiết kiệm, QTDND Cây Gáo thực hiện chi trả cho phần gốc rút trước hạn theo mức lãi suất không kỳ hạn, phù hợp với lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn mà Quý niên yết tại thời điểm chi trả và tiếp tục duy trì phần tiền gửi còn lại với kỳ hạn, lãi suất theo thỏa thuận ban đầu đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư 04/2022/TT-NHNN “2. Trường hợp khách hàng rút trước hạn một phần tiền gửi: a) Đối với phần tiền gửi rút trước hạn, tổ chức tín dụng áp dụng mức lãi suất tối đa bằng mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn thấp nhất của tổ chức tín dụng đó theo đối tượng khách hàng và/hoặc theo loại đồng tiền đã gửi tại thời điểm khách hàng rút trước hạn tiền gửi; b) Đối với phần tiền gửi còn lại, tổ chức tín dụng áp dụng mức lãi suất đang áp dụng đối với khoản tiền gửi mà khách hàng rút trước hạn một phần”.

2.5. Việc quy định về biện pháp tra cứu khoản tiền gửi tiết kiệm và niêm yết công khai thông tin về huy động tiền gửi tiết kiệm tại trụ sở

Lãi suất tiền gửi tiết kiệm; Thủ tục giao dịch tiền gửi tiết kiệm; Quy định về từng hình thức nhận tiền gửi tiết kiệm; Xử lý đối với trường hợp nhàu nát, rách, mất thẻ tiết kiệm; Biện pháp để người gửi tiền tra cứu khoản tiền gửi tiết kiệm được niêm yết công khai tại trụ sở theo quy định tại Điều 21 Thông tư 48/2018/TT-NHNN.

2.6. Việc áp dụng các chương trình khuyến mại, lãi suất ưu đãi và chi hoa hồng môi giới

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Cây Gáo không có áp dụng các chương trình khuyến mại, lãi suất ưu đãi trong hoạt động huy động vốn; Không thực hiện chi hoa hồng môi giới đối với hoạt động huy động vốn.

2.7. Đối chiếu khách hàng gửi tiền

Kết quả chọn mẫu đối chiếu, xác minh thực tế đối với 09 khách hàng gửi tiền với tổng số dư tiền gửi đến 30/6/2024 là 11.455 triệu đồng, chiếm 25,5%/tổng vốn huy động tiền gửi tại QTDND Cây Gáo: Khách hàng xác nhận có gửi tiền tiết kiệm tại QTDND Cây Gáo, số dư tiền gửi trên sổ tiết kiệm do khách hàng xác nhận khớp đúng số dư tiền gửi trên sao kê tiền gửi đến 30/6/2024; Các sổ tiết kiệm có chữ ký đầy đủ theo quy định, được hạch toán trên sổ sách kế toán theo đúng quy định (*chi tiết tại Biểu 02 – Danh sách đối chiếu xác minh tiền gửi tại QTDND Cây Gáo đính kèm*).

II. Thanh tra việc chấp hành quy định về các giới hạn, tỷ lệ an toàn trong hoạt động của QTDND Cây Gáo

1. Về ban hành các quy trình nội bộ

Hội đồng quản trị QTDND Cây Gáo đã ban hành quy định nội bộ số 11/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2018 các quy chế về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của QTDND Cây Gáo. Nội dung quy chế nội bộ phù hợp với quy định tại Điều 4 Thông tư số 32/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của QTDND (sau đây gọi là Thông tư 32/2015/TT-NHNN) và Khoản 1, Điều 4 Thông tư 21/2019/TT-NHNN.

2. Về việc chấp hành các giới hạn, tỷ lệ an toàn trong hoạt động

Căn cứ số liệu báo cáo của QTDND Cây Gáo về việc chấp hành các giới hạn, tỷ lệ an toàn trong hoạt động, Đoàn Thanh tra đã kiểm tra việc tính toán các tỷ lệ của QTDND Cây Gáo. Kết quả kiểm tra nhận thấy, về cơ bản QTDND Cây Gáo chấp hành các giới hạn, tỷ lệ an toàn trong hoạt động theo đúng quy định tại Thông tư 32/2015/TT-NHNN. Tuy nhiên riêng tỷ lệ khả năng chi trả, QTDND Cây Gáo tính toán có sự chênh lệch số với Đoàn Thanh tra, cụ thể:

2.1. Về Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

Theo số liệu báo cáo của QTDND Cây Gáo, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của Quỹ tại một số thời điểm như sau:

T T	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2022	Thời điểm 31/12/2023	Thời điểm 30/6/2024
1	Tổng cộng vốn tự có để tính tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	4.198	4.378	4.501
2	Tổng tài sản "Có" được phân nhóm theo các mức độ rủi ro	23.987	26.916	26.968
	Tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn = $(1)/(2) \times 100$	17,5%	16,3%	16,7%

Kết quả thanh tra nhận thấy, số liệu tính toán tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của Quỹ khớp đúng với số liệu của Đoàn Thanh tra và đảm bảo theo quy định tại Điều 5 Thông tư 32/2015/TT-NHNN (*Chi tiết tại Phụ lục 5.2 – Biểu tổng hợp tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại QTDND Cây Gáo đính kèm*).

2.2. Về tỷ lệ khả năng chi trả

Theo số liệu báo cáo của QTDND Cây Gáo và số liệu tính toán của Đoàn Thanh tra, tỷ lệ khả năng chi trả tại thời điểm một số thời điểm như sau:

Khoản mục	Ngày 31/12/2022			Ngày 31/12/2023			Ngày 30/6/2024		
	Số báo cáo (1)	Số thanh tra (2)	Chênh lệch (3) = (1)-(2)	Số báo cáo (4)	Số thanh tra (5)	Chênh lệch (6) = (4)-(5)	Số báo cáo (7)	Số thanh tra (8)	Chênh lệch (9) = (7)-(8)
I. Tỷ lệ khả năng chi trả ngày làm việc tiếp theo									
1. Tài sản “Có” có thể thanh toán ngay ngày làm việc tiếp theo đã quy đổi theo tỷ lệ (triệu đồng)	2.909	4.239	(1.330)	2.467	3.017	(550)	3.523	6.023	(2.500)
2. Tài sản “Nợ” phải thanh toán ngày làm việc tiếp theo đã quy đổi theo tỷ lệ (triệu đồng)	1.140	1.140	0	422	422	0	302	302	0
Tỷ lệ khả năng chi trả ngày làm việc tiếp theo (lần)	2,55	3,72	(1,17)	5,85	7,15	(1,3)	11,66	19,94	(8,28)
II. Tỷ lệ khả năng chi trả 07 ngày làm việc tiếp theo									
1. Tài sản “Có” có thể thanh toán ngay từ ngày làm việc thứ 2 đến ngày thứ 7 đã quy đổi theo tỷ lệ (triệu đồng)	5.501	4.491	1.010	4.198	3.188	1.010	9.301	8.901	400
2. Tài sản “Nợ” phải thanh toán từ ngày làm việc thứ 2 đến ngày thứ 7 đã quy đổi theo tỷ lệ (triệu đồng)	2.901	2.901	0	1387	1387	0	3633	3633	0
Tỷ lệ khả năng chi trả 07 ngày làm việc tiếp theo (lần)	1,90	1,55	0,35	3,03	2,30	0,73	2,56	2,45	0,11

Kết quả thanh tra nhận thấy, mặc dù khả năng chi trả ngày làm việc tiếp theo và 07 ngày làm việc tiếp theo của QTDND Cây Gáo đều lớn hơn 1, đảm bảo khả năng chi trả theo quy định tại Điều 6 Thông tư 32/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục 04 Thông tư 21/2019/TT-NHNN). Tuy nhiên, số liệu làm cơ sở tính toán của Quỹ có sự chênh lệch so với số liệu của Đoàn thanh tra về khoản mục “Tài sản “Có” có thể thanh toán ngay” tại một số tiêu chí, cụ thể:

- Giá trị trên sổ sách và giá trị để tính toán từ ngày thứ 2 đến ngày thứ 7 của tiêu chí “Tiền mặt tại quỹ” và tiêu chí “Tiền gửi không kỳ hạn tại NHHTX” không điền số liệu nhưng Quỹ đã điền số liệu để tính toán tỷ lệ.

- Giá trị để tính toán ngày làm việc tiếp theo của tiêu chí “Tiền gửi có kỳ hạn tại NHHTX” bao gồm “Tiền gốc, lãi giá trị sổ sách của ngày làm việc tiếp theo” cộng với “Tiền gốc trên giá trị sổ sách của từ ngày thứ 2 đến ngày thứ 7” nhưng

Quý chỉ lấy mỗi chỉ tiêu “Tiền gốc, lãi giá trị sổ sách của ngày làm việc tiếp theo” để tính toán tỷ lệ.

(Chi tiết tại Phụ lục 5.3 – Bảng tính khả năng chi trả ngay và khả năng chi trả 7 ngày làm việc tiếp theo đính kèm)

Trách nhiệm người có liên quan: bà Lê Thị Thu Hà – Kế toán trưởng, bà Nguyễn Thị Hồng Hoa - Giám đốc.

2.3. Về tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2022	Thời điểm 31/12/2023	Thời điểm 30/6/2024
B	Tổng dư nợ cho vay trung và dài hạn có thời hạn còn lại trên 01 (một) năm	1.117	1.842	1.711
C	Tổng nguồn vốn trung hạn và dài hạn	4.183	4.416	4.554
D	Tổng nguồn vốn ngắn hạn	39.641	43.502	44.950
A1	Tổng nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn = (B-C)	(3.066)	(2.574)	(2.843)
A2	Tỷ lệ của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn (tối đa 30%) = (B-C)/D x 100	(7,73%) <0%	(5,92%)<0%	(6,32%)<0%

Như vậy, trong thời kỳ thanh tra QTDND Cây Gáo không sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn (Chi tiết tại Phụ lục 5.4 – Bảng tính tỷ lệ ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung, dài hạn tại QTDND Cây Gáo).

2.4. Về giới hạn tín dụng

- Về cho vay không có bảo đảm, cho vay với điều kiện ưu đãi đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư 32/2015/TT-NHNN (không được cho vay): không phát sinh.

- Về giới hạn cho vay đối với các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư 32/2015/TT-NHNN (không vượt quá 5% vốn tự có của Quý): Theo báo cáo của QTDND Cây Gáo, tại thời điểm 31/12/2022 không phát sinh cho vay đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Người thẩm định và xét duyệt cho vay, Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên,

thanh tra viên...; Tại thời điểm 31/12/2023 và thời điểm 30/6/2024, có phát sinh cho vay đối với 01 thành viên Ban kiểm soát (Giang Ngọc Trung), với tổng dư nợ 80 triệu đồng chiếm tỷ lệ $1,8\% < 5\%$ vốn tự có của Quỹ theo đúng quy định tại tiết a, khoản 2 Điều 8 Thông tư 32/2015/TT-NHNN.

- Về giới hạn cho vay đối với 01 khách hàng quy định tại Khoản 4 Điều 8 Thông tư 32/2015/TT-NHNN (không vượt quá 15% vốn tự có của Quỹ): Theo sao kê tiền vay và báo cáo do Quỹ cung cấp, dư nợ cho vay tối đa đối với 01 khách hàng tại thời điểm 31/12/2022 là 600 triệu đồng, chiếm 14,3% vốn tự có; thời điểm 31/12/2023 là 640 triệu đồng, chiếm 14,6% vốn tự có và thời điểm 30/6/2024 là 650 triệu đồng, chiếm 14,4% vốn tự có, không vượt quá 15% vốn tự có của Quỹ, đảm bảo về giới hạn cho vay được quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 32/2015/TT-NHNN.

- Về giới hạn cho vay đối với khách hàng và người có liên quan quy định tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư 32/2015/TT-NHNN (không vượt quá 25% vốn tự có của Quỹ): Theo báo cáo của QTDND Cây Gáo, Quỹ không phát sinh khoản vay đối với nhóm khách hàng và người có liên quan.

Như vậy, trong thời kỳ thanh tra QTDND Cây Gáo đã tuân thủ các giới hạn tín dụng theo quy định tại Điều 8 Thông tư 32/2015/TT-NHNN (Chi tiết tại Phụ lục 5.1 – Biểu tổng hợp tỷ lệ an toàn vốn tại QTDND Cây Gáo).

III. Thanh tra chấp hành quy chế cho vay, phân loại nợ, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro tín dụng

1. Việc ban hành các chính sách, quy định nội bộ.

Hội đồng quản trị QTDND Cây Gáo đã ban hành một số chính sách, quy định nội bộ liên quan đến hoạt động cấp tín dụng, gồm: Quy chế cho vay ban hành theo Quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2018; Quy chế Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng QTDND Cây Gáo ban hành theo Quyết định số 21/2018/QĐ-HĐQT; Quy trình tín dụng của QTDND Cây Gáo theo Quy chế số 18/QC-QTTD ngày 08/11/2018; Quy định miễn, giảm lãi vốn vay đối với khách hàng của QTDND Cây Gáo ban hành theo Quyết định số 06/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2018; Quy định về xếp hạng tín dụng và đánh giá chất lượng tín dụng của QTDND Cây Gáo ban hành theo Quyết định số 02/2020/QĐ-HĐQT ngày 10/02/2020; Quy định cơ cấu thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn của QTDND Cây Gáo ban hành theo Quyết định số 07/2023/QĐ-HĐQT ngày 04/5/2023.

Về cơ bản Quỹ đã xây dựng được một số chính sách, quy định nội bộ về hoạt động cho vay dựa trên các văn bản quy định của NHNN Việt Nam và các văn bản pháp luật có liên quan phù hợp về loại hình hoạt động.

2. Thực trạng tín dụng tại một số thời điểm

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	30/06/2024 (1)	31/12/2022 (2)	31/12/2023 (3)	So sánh (1) với (2)		So sánh (1) với (3)	
				Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
1.1. Dư nợ phân loại theo thời gian	43.784	37.976	43.730	5.808	15,29%	54	0,12%
Cho vay ngắn hạn	42.073	36.859	41.888	5.214	14,15%	185	0,44%
Cho vay trung, dài hạn	1.711	1.117	1.842	594	53,18%	-131	-7,11%
1.2. Dư nợ phân loại theo mục đích cho vay	43.784	37.976	43.730	5.808	15,29%	54	0,12%
Cho vay phát triển Nông nghiệp, nông thôn	32.740	26.067	31.532	6.673	26%	1.208	4%
Cho vay tiêu dùng	11.044	11.909	12.198	-865	-7,26%	-1.154	-9,46%
Cho vay dịch vụ kinh doanh	0	0	0	0	0%	0	0%
1.3. Dư nợ phân theo tài sản đảm bảo	43.784	37.976	43.730	5.808	15,29%	54	0,12%
Dư nợ có đảm bảo bằng tài sản	35.573	29.740	34.930	5.833	19,61%	643	1,84%
Dư nợ không có bảo đảm bằng tài sản	8.211	8.236	8.800	-25	-0,30%	-589	-6,69%
1.4. Dư nợ phân theo thành viên	43.784	37.976	43.730	5.808	15,29%	54	0,12%
Dư nợ cho vay khách hàng là thành viên QTD	43.784	37.976	43.730	5.808	15,29%	54	0,12%
Dư nợ cho vay khách hàng ngoài thành viên QTD	0	0	0	0	0%	0	0%
1.5. Dư nợ phân theo nhóm nợ	43.784	37.976	43.730	5.808	15,29%	54	0,12%
Nợ nhóm 1(Nợ đủ tiêu chuẩn)	43.784	37.976	43.730	5.808	15,29%	54	0,12%
Nợ nhóm 2 (Nợ cần chú ý)	0	0	0	0	0%	0	0%
Nợ xấu (từ nhóm 3 – nhóm 5)	0	0	0	0	0%	0	0%
* Tỷ lệ nợ quá hạn	0%	0%	0%				

* Tỷ lệ nợ xấu	0%	0%	0%				
----------------	----	----	----	--	--	--	--

Nguồn: Theo số liệu báo cáo của QTDND Cây Gáo

* Tổng dư nợ của QTDND Cây Gáo đến 30/6/2024 là 43.784 triệu đồng, tăng 5.808 triệu đồng, tỷ lệ tăng 15,29% so với 31/12/2022 và tăng 54 triệu đồng, tỷ lệ tăng 0,12% so với 31/12/2023. Trong đó:

- *Dư nợ phân theo thành viên:* Dư nợ cho vay khách hàng là thành viên QTD: 43.784 triệu đồng, chiếm 100% dư nợ; Dư nợ cho vay khách hàng ngoài thành viên QTD: không phát sinh.

- *Dư nợ phân theo thời gian:* Cho vay ngắn hạn: 42.073 triệu đồng, chiếm 96% tổng dư nợ; Cho vay trung, dài hạn: 1.711 triệu đồng, chiếm 4% tổng dư nợ.

- *Dư nợ phân theo mục đích cho vay:* Tiêu dùng: 11.044 triệu đồng, chiếm 25,22% tổng dư nợ; Phát triển nông nghiệp, nông thôn: 32.740 triệu đồng, chiếm 74,78% tổng dư nợ.

- *Dư nợ phân theo tài sản đảm bảo:* Dư nợ có đảm bảo bằng tài sản: 38.803 triệu đồng, chiếm 94,86% tổng dư nợ; Dư nợ không có bảo đảm bằng tài sản: 1.476 triệu đồng, chiếm 5,14% tổng dư nợ.

- *Dư nợ phân theo nhóm nợ:* Nợ nhóm 1: 43.784 triệu đồng, chiếm 100% tổng dư nợ; không phát sinh nợ quá hạn.

Nợ xấu (nhóm 3,4,5): Đến 30/6/2024, không phát sinh nợ xấu.

***Nhận xét:** Nhìn chung, trong thời kỳ thanh tra, hoạt động cho vay của Quỹ có được duy trì khá ổn định, tập trung cho vay lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn, phù hợp với đặc thù kinh tế tại địa bàn hoạt động của Quỹ; Chất lượng tín dụng được kiểm soát tốt, không phát sinh nợ quá hạn.

3. Việc chấp hành quy chế cho vay

- Kết quả thanh tra: Tiến hành kiểm tra chọn mẫu 62 hồ sơ tín dụng của 60 khách hàng vay vốn với tổng dư nợ đến thời điểm 30/6/2024 là 26.470 triệu đồng, chiếm 60,5% tổng dư nợ cho vay (*chi tiết tại biểu Phụ lục 4.2-Danh sách khách hàng vay được thanh tra đính kèm*).

- Vi phạm phát hiện qua thanh tra: Tổng số hồ sơ có liên quan đến các tồn tại, sai phạm gồm 53 hồ sơ tín dụng của 51 khách hàng với tổng dư nợ có liên quan là 22.660 triệu đồng, chiếm 85,6% so với dư nợ cho vay được kiểm tra (*chi tiết tại biểu Phụ lục 4.1-Tổng hợp sai phạm về cho vay đính kèm*); các sai phạm mang tính phổ biến, đặc biệt trong công tác thẩm định xét duyệt cho vay và kiểm tra, giám sát vốn vay, thể hiện khá nhiều tồn tại, hạn chế trong công tác điều hành, hoạt động của Ban tín dụng. Cụ thể như sau:

3.1. Về hồ sơ vay vốn

QTDND Cây Gáo thực hiện cho vay nhưng chưa thu thập đầy đủ hồ sơ vay vốn như: nguồn trả nợ lãi được xác định từ lương của khách hàng nhưng chưa thu thập bảng lương hàng tháng để làm cơ sở xác định nguồn trả nợ.

Tổng sai phạm về hồ sơ vay vốn gồm 02 khách hàng (02 món vay) với tổng dư nợ 650 triệu đồng, chiếm 2,4% so với dư nợ cho vay được kiểm tra, (*Chi tiết về khách hàng và hợp đồng tín dụng thể hiện tại Phụ lục 4.1 – Biểu tổng hợp các dạng sai phạm về cho vay đính kèm*), cụ thể: (1) Trần Thụy Ngọc Anh, HĐTD số 2024094C ngày 07/5/2024, dư nợ 350 triệu đồng; (2) Hoàng Trần Cường, HĐTD số 2024096C ngày 08/5/2024 dư nợ 300 triệu đồng.

Việc QTDND Cây Gáo chưa yêu cầu khách hàng cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan là chưa đúng quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của NHNN Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và các Thông tư sửa đổi bổ sung gồm Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 và Thông tư số 10/2023/TT-NHNN ngày 23/8/2023 (sau đây gọi chung là Thông tư 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung) và quy chế nội bộ của QTDND Cây Gáo.

Những người có liên quan: Cán bộ tín dụng Ngô Xuân Triển

3.2. Về công tác thẩm định, xét duyệt cho vay

QTDND Cây Gáo thẩm định và xét duyệt cho vay nhưng chưa nêu được các căn cứ để làm cơ sở thẩm định tính khả thi của phương án vay vốn và khả năng tài chính của khách hàng như: Hầu hết các tờ trình thẩm định chưa tra cứu CIC, tình hình vay vốn của khách hàng tại các TCTD khác để cân đối nguồn trả nợ của khách hàng. Thẩm định khách hàng trông chuỗi với doanh thu, chi phí, lãi nhưng trong chi phí chưa thẩm định tính phần vốn vay là chưa đầy đủ khi phần vốn vay đã cấu thành chi phí trong việc trông chuỗi tạo ra doanh thu; Tờ trình thẩm định thể hiện nguồn thu nhập trả lãi hàng quý là từ lương/ buôn bán nhưng chưa thẩm định cụ thể việc buôn bán như thế nào, ở đâu để làm cơ sở xác định nguồn trả nợ và định kỳ hạn trả nợ phù hợp với khả năng tài chính của khách hàng gồm 51 khách hàng (53 khoản vay) với tổng dư nợ 22.660 triệu đồng, chiếm 85,6% dư nợ kiểm tra (*Chi tiết về khách hàng và hợp đồng tín dụng thể hiện tại Phụ lục 4.1 – Biểu tổng hợp các dạng sai phạm về cho vay đính kèm*). Đơn cử một số khách hàng như:

(1) Nguyễn Văn Thuận, HĐTD số 2024101C ngày 15/05/2024, dư nợ 650 triệu đồng; (2) Lâm A Tám, HĐTD số 2024088C ngày 26/04/2024, dư nợ 650 triệu đồng; (3) Hấu Cẩm Dưỡng, HĐTD số 2024014C ngày 31/01/2024, dư nợ 650 triệu đồng; (4) Phan Quảng Sâm, HĐTD số 2024044C ngày 14/03/2024, dư nợ 640 triệu đồng; (5) Võ Thị Di, HĐTD số 2023196C ngày 14/09/2023, dư nợ 620 triệu đồng; (6) Trương Văn An, HĐTD số 2024118C ngày 04/06/2024, dư nợ 600 triệu đồng; (7) Phạm Thị Lan, HĐTD số 2024131C ngày 18/06/2024, dư nợ 600 triệu đồng; (8) Vũ Văn Chung, HĐTD số 2024073C ngày 10/04/2024, dư nợ 600 triệu đồng; (9) Nguyễn Văn Gàn, HĐTD số 2024036C ngày 11/03/2024,

đư nợ 600 triệu đồng; (10) Trần Thị Kim Hoa, HĐTD số 2024024C ngày 28/02/2024, dư nợ 590 triệu đồng; (11) Lý Sau Phi, HĐTD số 2023247C ngày 24/11/2023, dư nợ 500 triệu đồng; (12) Nguyễn Thị Cúc, HĐTD số 2024001C ngày 09/01/2024, dư nợ 500 triệu đồng; (13) Phạm Văn Rĩnh, HĐTD số 2024081C ngày 23/4/2024, dư nợ 500 triệu đồng; (14) Ngô Thị Tuyết Liễu, HĐTD số 2023231C ngày 07/11/2023, dư nợ 450 triệu đồng; (15) Nguyễn Văn Sáng, HĐTD số 2023216C ngày 13/10/2023, dư nợ 450 triệu đồng; (16) Nguyễn Thị Tâm, HĐTD số 2024071C ngày 10/4/2024, dư nợ 300 triệu đồng; (17) Sứ Say Sáng, HĐTD số 2024060C ngày 29/3/2024, dư nợ 300 triệu đồng và HĐTD số 2024061C ngày 12/12/2023, dư nợ 300 triệu đồng; (18) Trần Thụy Ngọc Ánh, HĐTD số 2024094C ngày 07/5/2024, dư nợ 350 triệu đồng; (19) Huỳnh Văn Minh, HĐTD số 2023197C ngày 19/9/2023, dư nợ 300 triệu đồng; (20) Nguyễn Thị Sang, HĐTD số 2024126C ngày 11/6/2023, dư nợ 300 triệu đồng;

Việc thẩm định những khách hàng nêu trên là chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi bổ sung và quy định nội bộ của QTDND Cây Gáo.

Những người có liên quan: Trưởng ban tín dụng Trịnh Thị Mỹ - Chủ tịch Hội đồng quản trị; Giám đốc Nguyễn Thị Hồng Hoa; Phó Giám đốc Ngô Thạch Anh; Cán bộ tín dụng gồm Ngô Xuân Triển và Nguyễn Văn Thái.

3.3. Về kiểm tra, giám sát vốn vay

QTDND Cây Gáo có thực hiện báo cáo kiểm tra, giám sát vốn vay nhưng nội dung kiểm tra, giám sát vốn vay chưa thể hiện được việc kiểm tra, kiểm soát sau khi cho vay được chặt chẽ, chỉ chung chung đúng mục đích, sử dụng vốn thuê đất, mua giống chuối mô, phân bón, hệ thống tưới,... tại mỗi thời điểm kiểm tra chưa đánh giá cụ thể việc trồng chuối đang diễn ra đến thời kỳ nào của kế hoạch, chưa theo dõi đánh giá lại tình hình tài chính của khách hàng đảm bảo khả năng trả nợ trong thời gian vay; Thu thập chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn hầu hết là các hoá đơn bán lẻ nhưng chỉ có tên và địa chỉ người bán hoặc không có thông tin người bán là chưa đầy đủ thông tin theo quy định của Bộ Tài chính (Tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán, người mua; Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ, thành tiền chưa thuế và đã bao gồm thuế VAT; Chữ ký người mua, người bán,...) gồm 35 khách hàng (36 khoản vay) với tổng dư nợ 17.560 triệu đồng, chiếm 66,34% so với dư nợ được kiểm tra (*Chi tiết về khách hàng và hợp đồng tín dụng thể hiện tại Phụ lục 4.1 – Biểu tổng hợp các dạng sai phạm về cho vay đính kèm*). Đơn cử một số khách hàng như:

(1) Đoàn Chí Cao, HĐTD số 2024070C ngày 09/04/2024, dư nợ 550 triệu đồng; (2) Hoàng Quốc Việt, HĐTD số 2024028C ngày 05/03/2024, dư nợ 550 triệu đồng; (3) Nguyễn Thanh Vân, HĐTD số 2023177C ngày 22/08/2023, dư nợ 500 triệu đồng; (4) Nguyễn Văn Phi, HĐTD số 2024115C ngày 29/05/2024, dư nợ 500 triệu đồng; (5) Nguyễn Thị Xuân Diệu, HĐTD số 2024102C ngày 15/05/2024, dư nợ 500 triệu đồng; (6) Phan Thị Hằng, HĐTD số 2024086C ngày

25/04/2024, dư nợ 500 triệu đồng; (7) Nguyễn Thành Sáu, HĐTD số 2024023C ngày 28/02/2024, dư nợ 500 triệu đồng; (8) Chổng A Nhì, HĐTD số 2024074C ngày 12/04/2024, dư nợ 500 triệu đồng; (9) Đào Cún Phước, HĐTD số 2024082C ngày 24/4/2024, dư nợ 450 triệu đồng; (10) Trịnh Thị Phương Trang, HĐTD số 2024040C ngày 12/3/2024, dư nợ 100 triệu đồng và HĐTD số 112MGTT ngày 18/6/2024, dư nợ 450 triệu đồng; (11) Nguyễn Văn Thành, HĐTD số 2024054C ngày 26/3/2024, dư nợ 410 triệu đồng; (12) Đỗ Thị Minh Thư, HĐTD số 2023194C ngày 13/9/2023, dư nợ 400 triệu đồng; (13) Dương Cầu Phùng, HĐTD số 2024104C ngày 17/5/2024, dư nợ 400 triệu đồng; (14) Nguyễn A Sáng, HĐTD số 2023256C ngày 07/12/2023, dư nợ 400 triệu đồng; (15) Nguyễn Văn Huân, HĐTD số 2024067C ngày 04/4/2024, dư nợ 400 triệu đồng; (16) Dương Chấn, HĐTD số 2024029C ngày 05/3/2024, dư nợ 400 triệu đồng;....

Việc QTDND Cây Gáo kiểm tra, giám sát sử dụng vốn sau khi cho vay chưa đầy đủ, chưa chặt chẽ là thực hiện chưa đúng quy định Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung và quy định nội bộ của QTDND Cây Gáo.

Những người có liên quan: Phó Giám đốc Ngô Thạch Anh; Cán bộ tín dụng gồm Ngô Xuân Triền và Nguyễn Văn Thái.

3.4. Về bảo đảm tiền vay

Cho khách hàng vay vốn nhận thế chấp tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất (QSD đất) nhưng thời gian uỷ quyền của hợp đồng uỷ quyền liên quan đến QSD đất thế chấp để giao dịch vay vốn tại QTDND Cây Gáo đã hết hiệu lực uỷ quyền là chưa đúng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013 “3. Việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất được thực hiện như sau: a) Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực, trừ trường hợp kinh doanh bất động sản quy định tại điểm b khoản này;”. Cụ thể đối với khách hàng Chổng A Nhì như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 2024074C ngày 12/04/2024; Số tiền vay: 500 triệu đồng; Nợ nhóm 1; Mục đích vay: Sản xuất nông nghiệp (Đầu tư 4 ha chuối mô); Thời hạn vay: 12 tháng; Hợp đồng thế chấp tài sản số 108/HĐTC ngày 16/4/2019 (công chứng ngày 17/4/2019 tại UBND xã Cây Gáo, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/4/2019 tại văn phòng đăng ký đất đai huyện Trảng Bom), thế chấp QSD đất số CA083595, thửa số 28, tờ bản đồ số 24, trị giá TSBĐ là 1.097 triệu đồng.

- Hợp đồng uỷ quyền về việc thế chấp QSD đất (số CA 083595) do UBND xã Cây Gáo chứng thực ngày 17/4/2019, chứng thực Ứng Thín Kíu, Chổng Cún

Cú, Chồng Sìn Nàm uỷ quyền cho Chồng A Nhì để giao dịch vay vốn tại QTDND Cây Gáo. Tuy nhiên, thời gian uỷ quyền chỉ có 12 tháng kể từ ngày 17/4/2019; Như vậy, hợp đồng uỷ quyền đã hết hiệu lực nhưng QTDND Cây Gáo vẫn thực hiện nhận thế chấp để cho khách hàng vay vốn tại QTDND Cây Gáo.

Những người có liên quan: Trưởng ban tín dụng Trịnh Thị Mỹ - Chủ tịch Hội đồng quản trị; Giám đốc Nguyễn Thị Hồng Hoa; Phó Giám đốc Ngô Thạch Anh; Cán bộ tín dụng gồm Ngô Xuân Triển và Nguyễn Văn Thái.

3.5. Về cảnh báo rủi ro

- Hầu hết biên bản định giá tài sản đảm bảo (TSĐB) giữa QTDND Cây Gáo và khách hàng được xác định căn cứ theo giá trị định giá của báo cáo thẩm định TSĐB; Báo cáo thẩm định TSĐB định giá theo phương pháp bình quân giữa đơn giá theo quyết định quy định bảng giá đất của UBND tỉnh Đồng Nai trong từng thời kỳ và đơn giá định giá theo các Quyết định quy định về giá đất trên địa bàn hoạt động của QTD Cây Gáo (số 08/2020/QĐ/QĐ-HĐQT ngày 14/4/2020, số 06/2022/QĐ-HĐQT ngày 10/8/2022). Các Quyết định quy định về giá đất của QTDND Cây Gáo được xác định giá trị TSĐB trên cơ sở nhân hệ số lần theo từng vị trí căn cứ vào bảng giá đất của UBND tỉnh Đồng Nai; Tuy nhiên, các Quyết định chưa có các căn cứ để đưa ra về các hệ số nhân như thế nào, chưa có phương pháp và hướng dẫn cụ thể để xác định tương đối chính xác giá trị QSD đất cần định giá nhằm đảm bảo an toàn cho khoản vay.

- Hầu hết các khoản vay trồng chuối với phần lớn diện tích đất canh tác được khách hàng thuê, tuy nhiên tại các hợp đồng thuê đất giữa người thuê là khách hàng vay vốn với bên cho thuê chưa thể hiện được vị thửa đất cho thuê (số tờ, số thửa) và chưa có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất của bên cho thuê đảm bảo tính xác thực của các hợp đồng thuê đất để thực hiện phương án. Để có cơ sở xác định khách hàng thực hiện đúng phương án vay vốn và đảm bảo khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích, đề nghị QTDND Cây Gáo yêu cầu khách hàng cung cấp các giấy tờ chứng minh sở hữu hợp pháp của bên cho thuê và thường xuyên kiểm tra hoạt động sản xuất và đánh giá khả năng tài chính của khách hàng.

3.6. Kết quả chọn mẫu kiểm tra thực tế khách hàng vay vốn tại QTDND Cây Gáo

Kết quả chọn mẫu kiểm tra, xác minh thực tế 47 khách hàng vay vốn tại QTDND Cây Gáo với tổng dư nợ 20.480 triệu đồng, chiếm 77,4% tổng dư nợ kiểm tra (*Chi tiết tại Biểu 03- Danh sách khách hàng vay được đối chiếu, xác minh tại QTDND Cây Gáo*). Qua đối chiếu xác minh: thông tin và chữ ký khách hàng xác minh trùng khớp với hồ sơ vay vốn tại Quỹ, khách hàng xác nhận việc vay vốn tại Quỹ để bản thân sử dụng, nhận đúng số tiền vay vốn ghi trên hợp đồng, sử dụng vốn theo nội dung ghi trên hợp đồng tín dụng; các tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn cung cấp cho Quỹ chưa đầy đủ do không ghi chép, lưu giữ lại.

IV. Thanh tra việc thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro (DPRR)

1. Quy định, chính sách nội bộ

Hội đồng quản trị QTDND Cây Gáo đã ban hành Quyết định số 21/2018/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2018 về việc ban hành quy chế phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng QTDND Cây Gáo phù hợp với quy định tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng (sau đây gọi là Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN) và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/04/2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN (sau đây gọi là Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN).

2. Công tác phân loại nợ, trích lập và sử dụng DPRR

2.1. Về phân loại nợ:

QTDND Cây Gáo thực hiện phân loại nợ theo định kỳ quý, theo số liệu báo cáo của Quỹ việc phân loại nợ tại một số thời điểm và kết quả kiểm tra việc phân loại nợ của Đoàn Thanh tra như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2022	Thời điểm 31/12/2023	Thời điểm 30/6/2024			
			Tổng dư nợ	Dư nợ của 62 hồ sơ tín dụng được kiểm tra		
				Số liệu QTD Cây Gáo	Số liệu Đoàn Thanh tra	Chênh lệch
Tổng dư nợ	37.976	43.730	43.784	26.470	26.470	0
- Nhóm 1	37.976	43.730	43.784	26.470	26.470	0
- Nhóm 2	0	0	0	0	0	0
Nợ xấu (nhóm 3+4+5)	0	0	0	0	0	0
Tỷ lệ nợ xấu	0%	0%	0%	0%	0%	0

Chọn mẫu kiểm tra 62 hồ sơ tín dụng của khách hàng vay vốn còn dư nợ đến thời điểm 30/6/2024 với tổng dư nợ được kiểm tra là 26.470 triệu đồng, chiếm 60,5% dư nợ của Quỹ, nhận thấy việc phân loại nợ của QTDND Cây Gáo Quý II/2024 được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 6 Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN). Tuy nhiên, qua kết quả kiểm tra nhận thấy việc định kỳ hạn trả nợ gốc và lãi đối với các hồ sơ vay vốn tại Quỹ chưa phù hợp với chu kỳ thu nhập để trả nợ

của khách hàng dẫn đến chưa phản ánh đầy đủ thực trạng tín dụng, tình hình nợ quá hạn và nợ xấu tại Quỹ.

2.2. Việc trích lập DPRR:

QTDND Cây Gáo thực hiện trích lập sử dụng dự phòng rủi ro theo quý, số tiền trích lập dự phòng rủi ro của QTD qua một số thời điểm như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Quý 4/2022	Quý 4/2023	Quý 1/2024
Dự phòng cụ thể	0	0	0
Dự phòng chung	294	322	328

Kiểm tra việc trích lập dự phòng tại thời điểm 30/11/2022 (quý IV/2022), 30/11/2023 (quý IV/2023) và 31/3/2024 (quý I/2024), nhận thấy QTDND Cây Gáo thực hiện trích lập dự phòng chung và dự phòng cụ thể theo đúng quy định tại Điều 9 Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN).

2.3. Sử dụng dự phòng rủi ro:

Đến 30/6/2024, số dư nợ gốc đã xử lý rủi ro đang theo dõi ngoại bảng trên tài khoản 9711 “Nợ gốc bị tổn thất đang trong thời gian theo dõi” là 46.848.100 đồng của 17 khách hàng. Đây là các khoản nợ đã được thực hiện xử lý rủi ro từ năm 2010 đến năm 2015 và vẫn đang tiếp tục theo dõi, đôn đốc để thu hồi nợ. Trong thời kỳ thanh tra (từ 01/11/2022 đến 30/6/2024), QTDND Cây Gáo không phát sinh việc sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro đối với các khoản vay.

PHẦN III NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

Qua kết quả thanh tra tại QTDND Cây Gáo, nhìn chung trong thời kỳ thanh tra QTDND Cây Gáo đã có nhiều cố gắng trong công tác quản trị, điều hành, huy động vốn và cho vay đáp ứng nhu cầu vốn của thành viên, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra trong các lĩnh vực hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên của Quỹ có thể tiếp cận được nguồn vốn vay một cách kịp thời phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp nhằm cải thiện cuộc sống, góp phần xây dựng và phát triển nông thôn mới tại địa phương đồng thời hạn chế tình trạng tín dụng đen trên địa bàn; Tỷ lệ cấp tín dụng có tài sản đảm bảo chiếm tỷ lệ cao trên tổng dư nợ cho vay; Chất lượng tín dụng được kiểm soát tốt, không phát sinh nợ quá hạn. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, QTDND Cây Gáo còn một số tồn tại, sai phạm cần được chấn chỉnh, khắc phục, cụ thể:

1. Về việc chấp hành các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động: Việc tính toán số liệu về tỷ lệ khả năng chi trả còn có sai lệch số liệu so với quy định tại Thông tư 32/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục 04 Thông tư 21/2019/TT-NHNN).

2. Về chấp hành quy chế cho vay

- **Về hồ sơ vay vốn:** QTDND Cây Gáo thực hiện cho vay đối với 02 khách hàng (02 món vay), tổng dư nợ 650 triệu đồng nhưng chưa yêu cầu khách hàng cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan là chưa đúng quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung và quy định nội bộ của QTDND Cây Gáo.

- **Về công tác thẩm định, xét duyệt cho vay:** QTDND Cây Gáo thẩm định và xét duyệt cho vay nhưng chưa nêu được các căn cứ để làm cơ sở thẩm định tính khả thi của phương án vay vốn và khả năng tài chính đối với 51 khách hàng (53 món vay), tổng dư nợ 22.660 triệu đồng là chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung và quy định nội bộ của QTDND Cây Gáo.

- **Về kiểm tra, giám sát vốn vay:** QTDND Cây Gáo có thực hiện báo cáo kiểm tra, giám sát vốn vay nhưng nội dung kiểm tra, giám sát vốn vay không đầy đủ theo quy định; Thu thập chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn hầu hết là các hoá đơn bán lẻ nhưng chỉ có tên và địa chỉ người bán hoặc không có thông tin người bán là chưa đầy đủ thông tin theo quy định của Bộ Tài chính đối với 35 khách hàng (36 khoản vay) với tổng dư nợ 17.560 triệu đồng là thực hiện chưa đúng quy định Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung và quy định nội bộ của QTDND Cây Gáo.

- **Về bảo đảm tiền vay:** Cho khách hàng vay vốn nhận thế chấp tài sản đảm bảo là QSD đất nhưng thời gian uỷ quyền của hợp đồng uỷ quyền liên quan đến QSD đất thế chấp để giao dịch vay vốn tại QTDND Cây Gáo đã hết hiệu lực uỷ quyền là chưa đúng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013 đối với 01 khách hàng với dư nợ có liên quan là 500 triệu đồng.

- Cảnh báo rủi ro:

+ Việc định giá TSĐB nhận thế chấp được xác định căn cứ của báo cáo thẩm định TSĐB, định giá theo phương pháp bình quân giữa đơn giá giữa quyết định quy định bảng giá đất của UBND tỉnh Đồng Nai trong từng thời kỳ và đơn giá định giá theo các Quyết định quy định về giá đất trên địa bàn hoạt động của QTDND Cây Gáo. Các Quyết định quy định về giá đất của QTDND Cây Gáo được xác định giá trị TSĐB trên cơ sở nhân hệ số lần theo từng vị trí căn cứ vào bảng giá đất của UBND tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, các Quyết định chưa có các căn cứ để đưa ra về các hệ số nhân như thế nào, chưa có phương pháp và hướng dẫn cụ thể để xác định tương đối chính xác giá trị QSD đất cần định giá nhằm đảm bảo an toàn cho khoản vay.

+ Các hợp đồng thuê đất để thực hiện phương án vay vốn chưa thể hiện được vị thửa đất cho thuê (số tờ, số thửa) và chưa có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất của bên cho thuê đảm bảo tính xác thực của các hợp đồng thuê đất để thực hiện phương án.

PHẦN IV CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không phát sinh

PHẦN V KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ kết quả thanh tra nêu trên, Chánh Thanh tra giám sát ngân hàng yêu cầu Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc QTDND Cây Gáo tổ chức và hoạt động theo đúng quy định; rà soát toàn bộ những tồn tại, sai phạm để chấn chỉnh, khắc phục kịp thời, đồng thời thực hiện một số nội dung cụ thể sau:

1. Rút kinh nghiệm trong việc tính toán chưa chính xác tỷ lệ khả năng chi trả đã nêu tại phần kết quả kiểm tra xác minh. Luôn tuân thủ quy định về các tỷ lệ an toàn vốn trong hoạt động, đảm bảo quỹ hoạt động an toàn, hiệu quả.

2. Chấn chỉnh công tác thu thập hồ sơ vay vốn, đảm bảo hồ sơ vay vốn phải đầy đủ, đúng quy định trước khi thẩm định, xét duyệt cho vay. Bổ sung hồ sơ vay vốn đầy đủ theo quy định đối với 02 khách hàng, tổng dư nợ 650 triệu đồng đã nêu tại phần kết quả kiểm tra, xác minh. Trường hợp khách hàng không bổ sung được, tiến hành thu hồi nợ trước hạn. Thời hạn thực hiện: tối đa 06 tháng kể từ ngày ban hành kết luận thanh tra.

3. Chấn chỉnh, nâng cao chất lượng thẩm định và xét duyệt cho vay đối với các khoản cho vay phát sinh mới, chú trọng thẩm định cụ thể kế hoạch vay vốn, hiệu quả của phương án vay vốn, tình hình tài chính và khả năng trả nợ của khách hàng, định kỳ hạn trả nợ phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng trong thời gian tới. Rút kinh nghiệm trong công tác thẩm định đối với 51 khách hàng (53 khoản vay) với tổng dư nợ 22.660 triệu đồng đã nêu tại phần kết quả kiểm tra, xác minh.

4. Chấn chỉnh công tác kiểm tra sử dụng vốn vay. Biên bản kiểm tra phải đánh giá được cụ thể tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của khách hàng nguồn trả nợ và đánh giá lại tình hình tài chính của khách hàng khi nhận thấy có dấu hiệu suy giảm; thực hiện thu thập chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn là các hóa đơn, chứng từ phải đầy đủ thông tin theo đúng quy định của Bộ Tài chính đối với các khách hàng 35 khách hàng (36 khoản vay) tổng dư nợ 17.560 triệu đồng đã nêu tại phần kết quả kiểm tra, xác minh. Trường hợp khách hàng không bổ sung được, tiến hành thu hồi nợ trước hạn. Thời hạn thực hiện: tối đa 06 tháng kể từ ngày ban hành kết luận thanh tra.

5. Thực hiện bổ sung hợp đồng uỷ quyền liên quan đến QSD đất thế chấp để giao dịch vay vốn tại QTDND Cây Gáo đối với khách hàng Chông A Nhì (HĐTĐ số 2024074C ngày 12/04/2024); Trường hợp khách hàng không bổ sung được thì áp dụng các biện pháp nhận tài sản đảm bảo khác theo đúng quy định của pháp luật hoặc tiến hành áp dụng các biện pháp thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay.

6. Thực hiện kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, sai phạm được nêu tại phần kết quả kiểm tra, xác minh; đồng thời xây dựng kế hoạch tự kiểm tra, rà soát toàn bộ những nội dung chưa được thanh tra, lưu ý kiểm tra công tác tín dụng, theo dõi công tác chỉnh sửa sau thanh tra nhằm phát hiện kịp thời những sai phạm để chấn chỉnh, xử lý theo quy định của pháp luật. Thời hạn thực hiện: 01 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

7. Khuyến nghị:

- Việc thực hiện các biện pháp trong việc định giá TSĐB là các QSD đất, định giá phải có căn cứ định giá, phải có chứng từ, tài liệu để làm cơ sở cho việc định giá (các thông tin mua bán trong khu vực trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, trang web,...) và so sánh bảng giá đất của UBND tỉnh Đồng Nai trong từng thời kỳ nhằm hạn chế rủi ro trong việc xử lý tài sản đảm bảo thu hồi nợ khi khách hàng không có khả năng trả nợ.

- QTDND Cây Gáo yêu cầu khách hàng cung cấp các giấy tờ chứng minh sở hữu hợp pháp của bên cho thuê đất đối với các thửa đất thuê được sử dụng để thực hiện phương án vay vốn và thường xuyên kiểm tra hoạt động sản xuất và đánh giá khả năng tài chính của khách hàng.

Yêu cầu Chủ tịch HĐQT, Giám đốc QTDND Cây Gáo tổ chức thực hiện các kiến nghị theo đúng thời hạn nêu trên. Báo cáo kết quả thực hiện việc chấn chỉnh sau thanh tra gửi về NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai định kỳ trước ngày 05 hàng tháng cho đến khi hoàn tất việc thực hiện các kiến nghị được nêu tại Kết luận thanh tra.

Kết luận thanh tra gồm 24 trang và các biểu mẫu, phụ lục do Đoàn Thanh tra lập, là một bộ phận không tách rời Kết luận thanh tra./...ue

Nơi nhận:

- QTDND Cây Gáo (để th/h);
- Cơ quan TTGSNH (để b/c);
- Giám đốc NHNN Đồng Nai (để b/c);
- Phó Giám đốc Lê Xuân Hường (để b/c);
- TTGS Chi nhánh (để th/d sau thanh tra);
- Lưu: VT; TTGS; HSTTr.

Đính kèm:

- Biểu số 1, biểu số 2, biểu số 3.
- Phụ lục 4.1, phụ lục 4.2, phụ lục 5.1, phụ lục 5.2, phụ lục 5.3, phụ lục 5.4

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHANH THANH TRA PHỤ TRÁCH**



Phan Thị Hà